

## BẢNG GIÁ CÁC LOẠI ĐẤT NĂM 2008 TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN ĐẠ TỄH

(Kèm theo Quyết định số 55 /2007/QĐ-UBND

ngày 18 tháng 12 năm 2007 của UBND tỉnh Lâm Đồng)

### A. ĐẤT Ở TẠI KHU VỰC ĐÔ THỊ:

**ĐVT: 1.000 đồng/m<sup>2</sup>**

S TT	ĐƯỜNG, KHU VỰC HOẶC ĐỊA DANH	Đơn giá đất
<b>I</b>	<b>Đường tỉnh lộ 721:</b>	
1	- Từ cầu Đạ Tẻh đến đường vào Bến Xe	816
2	- Từ đường vào Bến Xe đến ngã tư Chợ	1.020
3	- Từ ngã tư Chợ đến hết tiệm Phôtô Hùng	1.440
4	- Từ giáp tiệm Phôtô Hùng đến ngã tư XN Xây Dựng	1.080
5	- Từ ngã tư Xí nghiệp Xây Dựng đến hết nhà thờ	840
6	- Từ giáp Nhà thờ đến hết trang trại ông Tấn	660
7	- Từ trang trại ông tấn đến cầu Đạ Mí	432
<b>II</b>	<b>Đường tỉnh lộ 725:</b>	
1	- Từ ngã tư Chợ đến ngã tư Ngân Hàng	1.440
2	- Từ ngã tư Ngân Hàng đến đường vào Khu phố 1B + 5B (nhà ông K`On và nhà ông Minh Tập)	1.020
3	- Từ ngã tư vào Khu phố 1B + 5B (nhà ông K`On và nhà ông Minh Tập) đến ngã ba giáp đường 26/3	816
4	- Từ ngã ba giáp đường 26/3 đến đoạn hết vỉa hè đường nội thị	708
5	- Từ hết vỉa hè đường nội thị đến hết trụ sở Đội Quản lý Đô thị	612
6	- Từ Đội Quản lý Đô thị đến cầu suối Đạ Bơ	408
7	- Từ suối Đạ Bơ đến giáp ranh xã Hà Đông	204
<b>III</b>	<b>Đường nội thị:</b>	
1	- Đường quanh Chợ từ giáp Tỉnh lộ 721 đến Tỉnh lộ 725	1.320
2	- Từ ngã tư Ngân Hàng đến giáp Tỉnh Lộ 721	1.020
3	- Từ ngã tư Ngân Hàng đến hết trụ sở Công an huyện	660
4	- Từ Công an huyện đến kênh N 6-8	480
5	- Đường Nguyễn Đình Chiểu ( từ cây xăng đến ngã 3 hội trường KP5)	660

**ĐVT: 1.000 đồng/m<sup>2</sup>**

6	- Từ ngã ba (hội trường KP5) đến hết đường Nguyễn Đình Chiểu	540
7	- Đường 26/3 từ giáp tỉnh lộ 725 đến kênh N6-8	360
8	- Từ kênh N6-8 đến hết đường 26/3	82
9	- Từ đường 3/2 đến hết đất bà Miên ( sau Viện Kiểm sát huyện)	252
10	- Từ đường 3/2 đến giáp đường 26/3 (nhà ông Đỗ Xuân Thu)	252
11	- Từ đường 3/2 (giáp Công an Huyện) đến đường 26/3	204
<b>S TT</b>	<b>ĐƯỜNG, KHU VỰC HOẶC ĐỊA DANH</b>	<b>Đơn giá đất</b>
12	- Từ Tỉnh lộ 721 dọc theo kênh N6-8 đến đường 26/3	156
13	- Từ Tỉnh lộ 721 (giáp nhà ông Xuân Ân) đến tiếp giáp đường rẽ sang Tổ dân phố 5B	408
14	- Từ đường Nguyễn Đình Chiểu đến giáp Tỉnh lộ 725 (nhà ông Minh Tập) và từ Tỉnh lộ 725 dọc đường khu phố 1B+1C	252
15	- Đường vòng quanh khu Thương Mại ( Bến xe mới)	504
16	- Đường vào Bến xe cũ	300
17	-Từ Tỉnh lộ 721 (giáp nhà Bác sĩ Quang) đến đường Nguyễn Đình Chiểu và từ nhà ông (Phan Đình Anh) đến giáp đường vào Bến Xe.	252
18	- Từ đường 3/2 (nhà ông Nguyễn Hữu Thành) đến giáp Tỉnh lộ 721	300
19	- Từ đoạn tiếp giáp với đường quanh chợ chạy vòng sau trường THCS Nguyễn Văn Trỗi đến tiếp giáp Tỉnh lộ 721	252
20	- Đường vào Trung tâm Y tế huyện	612
21	-Từ giáp Tỉnh lộ 721 chạy dọc bên hông trường THCS Nguyễn Văn Trỗi	252
22	- Từ ngã ba Hoài Nhơn đến mương NN 3A	156
23	- Từ mương NN 3A đến giáp ranh xã Quốc Oai	82
24	- Đường đi vào Khu phố 9	61
25	- Từ ngã tư XN Xây dựng đến cổng Trường tiểu học Quang Trung	504
26	- Từ cổng trường Quang Trung đến hết nhà ông Chu Quang Diện	252
27	- Từ ngã tư XN Xây dựng đến Trạm biến áp	660
28	- Từ nhà ông Chu Quang Diện vào đến ngã ba vào thôn 7	120
29	- Từ ngã ba vào thôn 7 đến hết thôn 7	61
30	- Đường vào đến Chùa Khánh Vân	252

**ĐVT: 1.000 đồng/m<sup>2</sup>**

31	- Đường giáp Hội trường TT Văn hoá đến giáp nhà ông Nguyễn Hữu Long	156
32	- Từ trường Mầm Non đến tiếp giáp đường thuộc khu phố 1A	252
33	- Từ công viên cây xanh đến tiếp giáp đường 30/4 (cạnh trường PTHH) đến tiếp giáp đường 30/4, và đoạn từ nhà ông Đoàn Văn Tuấn đến tiếp giáp đường vào khu phố 2C	252
34	- Đường vào Tổ khu phố 2A	156
35	- Từ Tỉnh lộ 725 đến hết Trường tư thục Bình Minh	204
36	- Từ cầu Đạ Mí đến cống Bà Điều	60
37	- Đường vào thôn Tân Lập	48
38	- Đường vào lò gạch	156

**B. ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN:**

**ĐVT: 1.000 đồng/m<sup>2</sup>**

S TT	ĐƯỜNG, KHU VỰC HOẶC ĐỊA DANH	Đơn giá đất
<b>I. Xã Đạ Kho:</b>		
	Khu vực 1	
	<b>Vị trí 1: Đất tiếp giáp Tỉnh lộ 721</b>	
1	- Từ dốc Ma Thiên Lãnh đến hết trường tiểu học Nguyễn Trãi	102
2	- Từ giáp trường Nguyễn Trãi đến dốc bà Sứ	240
3	- Từ dốc bà Sứ đến cầu Đạ Tẻh	504
	<b>Vị trí 2: Đất tiếp giáp đường Liên xã</b>	
1	- Từ ngã ba Triệu Hải đến giáp nhà ông Phạm Văn Long	84
2	- Từ Nhà ông Long đến giáp ranh xã Triệu Hải	54
	<b>Khu vực 2: Đất tiếp giáp đường Liên thôn</b>	
1	- Từ Tỉnh lộ 721 đến giáp hội trường Thôn 9	36
2	- Từ hội trường thôn 9 đến Trường học Thôn 11	20
*	<b>Khu vực 3: Các vị trí còn lại</b>	
1	- Đất tiếp giáp đường xe 3-4 bánh ra vào đợc	20
2	- Đất tiếp giáp đường xe 3-4 bánh không ra vào đợc	16
<b>II. Xã Đạ Lây:</b>		
	<b>Khu vực 1:</b>	

**ĐVT: 1.000 đồng/m<sup>2</sup>**

	<b>Vị trí 1: Đất tiếp giáp Tỉnh lộ 721</b>	
1	- Từ cầu Đạ Lây đến ngã ba vào Trạm xá	120
2	- Từ ngã ba Trạm xá đến ngã ba vào thôn Thuận Hà	156
3	- Từ ngã ba thôn Thuận Hà đến hết Xưởng đũa Hoa Lâm	86
4	- Từ hết xưởng đũa Hoa Lâm đến ranh giới huyện Cát Tiên	50
	<b>Khu vực 2: Đất tiếp giáp đường Liên thôn</b>	
1	- Từ tỉnh lộ 721 vào hết trạm xá	36
2	- Đường vào đến Nhà máy điều	60
3	- Đường thôn Liêm phú vào đến 300 m	60
4	- Đường thôn Liêm phú từ 300 m vào đến hết thôn	36
5	- Đường thôn Phước lợi, Thuận Hà vào đến 300 m	25
6	- Đường thôn Thuận Lộc vào đến 300 m	48
7	- Đường thôn Thuận Lộc từ 300 m vào đến hết thôn	30
	<b>Khu vực 3: Các vị trí còn lại :</b>	
1	- Đất tiếp giáp đường xe 3-4 bánh ra vào đước	16
2	- Đất tiếp giáp đường xe 3-4 bánh không ra vào đước	13
<b>S TT</b>	<b>ĐƯỜNG, KHU VỰC HOẶC ĐỊA DANH</b>	<b>Đơn giá đất</b>
<b>III. Xã Hương Lâm:</b>		
	<b>Khu vực 1:</b>	
	<b>Vị trí 1: Đất tiếp giáp Tỉnh lộ 721</b>	
1	- Từ dốc Mạ Oì đến dốc Bà Gà	61
2	- Từ dốc Bà Gà đến dốc Dạ Hương	50
3	- Từ dốc Dạ Hương đến cầu Đạ Lây	102
	<b>Khu vực 2: Đất tiếp giáp đường Liên thôn</b>	
1	- Đường vào đội 12 đến cầu ông Vạn	41
2	- Từ cầu ông Vạn đến ngã ba Hương Phong	50
3	- Từ ngã ba Hương Phong đến Khe Tre	30
4	- Đường thôn Hương Vân 2	61

**ĐVT: 1.000 đồng/m<sup>2</sup>**

	<b>Khu vực 3 : Các vị trí còn lại</b>	
1	- Đất tiếp giáp đường xe 3-4 bánh ra vào được	16
2	- Đất tiếp giáp đường xe 3-4 bánh không ra vào được	13
<b>IV. Xã Anh Nhon :</b>		
	<b>Khu vực 1 :</b>	
	<i>Vị trí 1: Đất tiếp giáp Tỉnh lộ 721</i>	
1	- Từ cầu Đạ Mí đến ngã ba vào B5	120
2	- Từ ngã ba vào B5 đến chân dốc Mạ Oi	90
	<b>Khu vực 2 : Đất tiếp giáp đường Liên thôn</b>	
1	- Từ ngã ba B5 vào đến cầu B5	30
2	- Từ cầu B5 đến Núi Ép	20
3	- Từ ngã ba giáp Tỉnh lộ 721 vào Đạ Hàm	50
4	- Từ ngã ba Đạ Mí vào đến hết phân hiệu thôn 7 An Nhon	48
5	- Từ phân hiệu thôn 7 An nhon vào hết buôn Tố Lan	36
6	- Từ ngã ba Đạ Mí đi Đạ Hàm	24
7	- Các đường còn lại từ tỉnh lộ 721 vào đến 300m	30
	<b>Khu vực 3: Các vị trí còn lại :</b>	
1	- Đất tiếp giáp đường xe 3-4 bánh ra vào được	16
2	- Đất tiếp giáp đường xe 3-4 bánh không ra vào được	13
<b>V. Xã Quảng Trị:</b>		
	<b>Khu vực 1:</b>	
	<i>+ Vị trí 2: Đất tiếp giáp đường Liên xã</i>	
<b>S TT</b>	<b>ĐƯỜNG, KHU VỰC HOẶC ĐỊA DANH</b>	<b>Đơn giá đất</b>
1	- Từ cầu Quảng Trị đến hội trường thôn I	50
2	- Từ hội trường thôn I đến phân hiệu B trường TH Quảng Trị	41
3	- Từ Phân hiệu B trường TH Quảng Trị đến hết đất nhà bà Mận	36
4	- Từ nhà bà Mận đến công chào thôn 6	30

**ĐVT: 1.000 đồng/m<sup>2</sup>**

5	- Từ cầu Máng Triệu Hải đến hết nhà ông Nguyễn Văn Toàn	30
6	- Từ nhà ông Nguyễn Văn Toàn đến cầu Khe Cáu; từ nhà ông Nguyễn Văn Ngà đến hết nhà ông Lê Văn Nghiễn	24
<b>Khu vực 2: Đất tiếp giáp đường Hương thôn</b>		
	- Các đường Hương thôn vào đến 300 m	16
<b>Khu vực 3: Các vị trí còn lại</b>		
1	- Đất tiếp giáp đường xe 3-4 bánh ra vào được	14
2	- Đất tiếp giáp đường xe 3-4 bánh không ra vào được	12
<b>VI. Xã Quốc Oai:</b>		
<b>Khu vực 1:</b>		
<b>Vị trí 2: Đất tiếp giáp đường liên xã (Huyện lộ)</b>		
1	- Từ cầu sắt đến kênh N6-3	48
2	- Từ kênh N6-3 đến hết nhà ông Nguyễn Bá Tiến	72
3	- Từ nhà ông Lâm Bình Nguyên đến cầu sắt Đạ Nha	36
4	- Từ cầu sắt đến hết Buôn Đạ Nha	20
<b>Khu Vực 2 : Đất tiếp giáp đường Hương thôn</b>		
1	- Các đường Hương thôn từ giáp đường liên xã vào đến 300m	16
<b>Khu vực 3: Các vị trí còn lại</b>		
1	- Đất tiếp giáp đường xe 3-4 bánh ra vào được	14
2	- Đất tiếp giáp đường xe 3-4 bánh không ra vào được	12
<b>VII. Xã Mỹ Đức:</b>		
<b>Khu vực 1:</b>		
<b>Vị trí 1: Đất tiếp giáp tỉnh lộ 725</b>		
1	- Từ ranh giới xã Hà Đông đến nương ĐN6	156
2	- Từ nương ĐN6 đến hết đất nhà ông Tạ Minh Tiến	102
3	- Từ nhà ông Đinh Quang Ngát đến hết nhà Bà Trần Thị Thắng	156
4	- Từ nhà ông Vũ Văn Bản đến cầu thôn 7 ( đường đất)	30
<b>Khu vực 2: Đất tiếp giáp đường Hương thôn</b>		
1	- Từ ngã ba Mỹ Đức đến nhà bà Nguyễn Thị Hằng	60

**ĐVT: 1.000 đồng/m<sup>2</sup>**

<b>S TT</b>	<b>ĐƯỜNG, KHU VỰC HOẶC ĐỊA DANH</b>	<b>Đơn giá đất</b>
2	-Từ nhà bà Nguyễn Thị Hằng đến chân đập Hồ Dạ Têh	41
3	-Từ hết trung tâm cụm xã đến nhà ông Đinh Văn Toàn	36
4	-Đường vành đai trung tâm cụm xã	54
	<b>Khu vực 3: Các vị trí còn lại</b>	
1	- Đất tiếp giáp đường xe 3-4 bánh ra vào được	14
2	- Đất tiếp giáp đường xe 3-4 bánh không ra vào được	12
<b>VIII Xã Hà Đông:</b>		
	<b>Khu vực 1:</b>	
	<i>Vị trí 1: Đất tiếp giáp tỉnh lộ 725</i>	
1	- Từ cầu Hà Đông đến hết nhà ông Nguyễn Văn Dũng	96
2	- Từ nhà ông Phan Ngọc Trí đến ranh giới xã Mỹ Đức	120
	<b>Khu vực 2: Đất tiếp giáp đường hương thôn</b>	
1	- Các đường hương thôn từ giáp TL 725 vào đến 300m	24
2	-Từ giáp TL 725 vào đến hết trung tâm cụm xã	102
3	-Từ hết trung tâm cụm xã đến nhà bà Nguyễn Thị Sáu	36
	<b>Khu vực 3: Các vị trí còn lại</b>	
1	- Đất tiếp giáp đường xe 3-4 bánh ra vào được	16
2	- Đất tiếp giáp đường xe 3-4 bánh không ra vào được	13
<b>IX. Xã Triệu Hải:</b>		
	<b>Khu vực 1:</b>	
	<i>Vị trí 2: Đất tiếp giáp đường liên xã</i>	
1	- Từ ranh giới xã Dạ Kho đến đường vào vào Thác ĐaKaLa	61
2	- Từ ngã ba đường rẽ vào Thác ĐaKaLa đến ranh giới xã DạPal	41
3	- Từ ngã tư UBND xã đến giáp xã Quảng Trị	41
	<b>Khu vực 2: Đất tiếp giáp đường Hương thôn</b>	
1	- Các trục đường Hương thôn vào đến 300 m	20
	<b>Khu vực 3: Các vị trí còn lại</b>	
1	- Đất tiếp giáp đường xe 3-4 bánh ra vào được	16

**ĐVT: 1.000 đồng/m<sup>2</sup>**

2	- Đất tiếp giáp đường xe 3-4 bánh không ra vào được	13
<b>X. Xã Dạ Pal:</b>		
	<b>Khu vực 1:</b>	
	<i>Vị trí 2: Đất tiếp giáp đường liên xã</i>	
1	- Từ ranh giới xã Triệu Hải đến suối Giao Hà	48
<b>S TT</b>	<b>ĐƯỜNG, KHU VỰC HOẶC ĐỊA DANH</b>	<b>Đơn giá đất</b>
2	- Từ Suối Giao Hà đến chân dốc Tôn K'Long	30
	<b>Khu vực 2: Đất tiếp giáp đường Hương thôn</b>	
1	- Từ giáp đường liên xã đến thác Xuân Đài Đường vào thôn Xuân Phong	20
	<b>Khu vực 3: Các vị trí còn lại</b>	
1	- Đất tiếp giáp đường xe 3-4 bánh ra vào được	13
2	- Đất tiếp giáp đường xe 3-4 bánh không ra vào được	12

### **C. ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP:**

1. Đối với đất xây dựng trụ sở cơ quan và đất xây dựng công trình sự nghiệp; đất sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh; đất tôn giáo, tín ngưỡng (bao gồm đất do các cơ sở tôn giáo sử dụng, đất có công trình là đình, đền, miếu, am, từ đường, nhà thờ họ); đất xây dựng nhà bảo tàng, nhà bảo tồn, nhà trưng bày tác phẩm nghệ thuật, cơ sở sáng tác văn hóa nghệ thuật, bằng giá đất ở cùng đường phố, vị trí, cùng khu vực hoặc tại vùng lân cận gần nhất quy định tại mục A hoặc mục B trên đây.

2. Đối với đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp, bằng 60% giá đất ở cùng đường phố, cùng vị trí, cùng khu vực hoặc giá đất ở tại vùng lân cận gần nhất quy định tại mục A hoặc mục B trên đây.

3. Đối với đất sử dụng vào các mục đích công cộng theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 6 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP và các loại đất cho các công trình xây dựng khác của tư nhân không nhằm mục đích kinh doanh và không gắn liền với đất ở; đất làm nhà nghỉ, lán, trại

cho người lao động; đất đô thị được sử dụng để xây dựng nhà phục vụ mục đích trồng trọt, kể cả các hình thức trồng trọt không trực tiếp trên đất; đất xây dựng chuồng trại chăn nuôi động vật được pháp luật cho phép; đất xây dựng trạm, trại nghiên cứu thí nghiệm nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản; đất xây dựng nhà kho, nhà của hộ gia đình, cá nhân để chứa nông sản, thuốc bảo vệ thực vật, phân bón, máy móc, công cụ sản xuất nông nghiệp, bằng 85% giá đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp liền kề hoặc giá đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp tại vùng lân cận gần nhất quy định tại điểm 2 - mục C trên đây.

4. Đối với đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, bằng 50% mức giá của đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp cùng vị trí, cùng khu vực hoặc giá đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp tại vùng lân cận gần nhất quy định tại điểm 2 - mục C trên đây.

#### **D. ĐẤT NÔNG NGHIỆP:**

- **Khu vực I:** thị trấn Đạ Tẻh
- **Khu vực II:** thuộc địa bàn các xã An Nhơn, Đạ Kho.
- **Khu vực III:** thuộc địa bàn các xã còn lại.

1. Đất trồng cây hàng năm, đất nuôi trồng thủy sản:

**ĐVT: 1.000 đồng/m<sup>2</sup>**

<b>S TT</b>	<b>Khu vực</b>	<b>Vị trí 1</b>	<b>Vị trí 2</b>	<b>Vị trí 3</b>
1	Khu vực 1	13	10	7
2	Khu vực 2	10	8	5
3	Khu vực 3	7	5	3

2. Đất trồng cây lâu năm:

**ĐVT: 1.000 đồng/m<sup>2</sup>**

<b>S TT</b>	<b>Khu vực</b>	<b>Vị trí 1</b>	<b>Vị trí 2</b>	<b>Vị trí 3</b>
1	Khu vực 1	8	6	4
2	Khu vực 2	6	5	3
3	Khu vực 3	4	3	2

- **Vị trí 1:** Là những vị trí mà khoảng cách gần nhất từ khu vực sản xuất đến mép lộ giới của quốc lộ, tỉnh lộ, đường liên huyện và đường liên xã trong phạm vi 500m.

- **Vị trí 2:** Là những vị trí mà khoảng cách gần nhất từ khu vực sản xuất đến mép lộ giới của quốc lộ, tỉnh lộ, đường liên huyện và đường liên xã trong phạm vi trên 500m đến 1.000m.

- **Vị trí 3:** Các vị trí còn lại.

3. Giá đất trong các trường hợp sau được quy định bằng 1,5 lần mức giá đất trồng cây lâu năm ở vị trí 1 cùng vùng, cùng khu vực:

- Đất vườn, ao trong cùng thửa đất có nhà ở nhưng không được xác định là đất ở thuộc địa bàn các xã;

- Đất nông nghiệp nằm trong phạm vi khu dân cư nông thôn đã được xác định ranh giới theo quy hoạch được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt. Trường hợp đất nông nghiệp nằm trong phạm vi khu dân cư nông thôn chưa có quy hoạch được xét duyệt thì xác định theo ranh giới của thửa đất có nhà ở ngoài cùng của khu dân cư;

4. Giá đất trong các trường hợp sau được quy định bằng 02 lần mức giá đất trồng cây lâu năm ở vị trí 1 cùng vùng, cùng khu vực:

- Đất vườn, ao trong cùng thửa đất có nhà ở nhưng không được xác định là đất ở thuộc địa bàn thị trấn.

- Đất nông nghiệp nằm trong phạm vi khu dân cư thị trấn đã được xác định ranh giới theo quy hoạch được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt. Trường hợp đất nông nghiệp nằm trong phạm vi thị trấn chưa có quy hoạch được xét duyệt thì xác định theo ranh giới của thửa đất có nhà ở ngoài cùng của khu dân cư.

#### **E. ĐẤT RỪNG SẢN XUẤT:**

**ĐVT: 1.000 đồng/m<sup>2</sup>**

<b>VỊ TRÍ</b>	<b>Vị trí 1</b>	<b>Vị trí 2</b>	<b>Vị trí 3</b>
<b>Đơn giá</b>	8	6	4

- **Vị trí 1:** Là những diện tích đất có mặt tiếp giáp với đường quốc lộ, tỉnh lộ.

- **Vị trí 2:** là những diện tích đất có mặt tiếp giáp với đường liên huyện, liên xã.

- **Vị trí 3:** Là những vị trí còn lại.

#### **F. ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ, ĐẶC DỤNG VÀ RỪNG CẢNH QUAN:**

1. Đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng: tính bằng 90% giá đất rừng sản xuất cùng khu vực.

2. Đất rừng cảnh quan: tính bằng 110% giá cùng của đất rừng sản xuất khu vực.